

TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP ĐẾN SỰ SẴN SÀNG VÀ Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA THANH NIÊN BẮC TRUNG BỘ

Hồ Thị Diệu Ánh

Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Email: anhhtd@vinhuni.edu.vn

Hoàng Thị Thuý Vân

Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Email: vanhtt@vinhuni.edu.vn

Thái Thị Kim Oanh

Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Email: oanhhtk@vinhuni.edu.vn

Nguyễn Thị Thu Cúc

Trường Đại học Vinh

Email: cucntt@vinhuni.edu.vn

Trần Thị Lê Na

Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Email: nattl@vinhuni.edu.vn

Mã bài: JED-1936

Ngày nhận: 26/08/2024

Ngày nhận bản sửa: 05/11/2024

Ngày duyệt đăng: 18/11/2024

DOI: 10.33301/JED.VI.1936

Tóm tắt:

Thanh niên nông thôn ở các tỉnh Bắc Trung Bộ chiếm hơn 30% dân số và đóng vai trò quan trọng trong lực lượng lao động của khu vực, tham gia vào nhiều ngành kinh tế nông thôn. Mặc dù là lực lượng lao động chính, tỷ lệ khởi nghiệp trong nhóm này vẫn còn thấp và tỷ lệ thất bại lại cao, điều này cho thấy sự chưa hoàn thiện của các chính sách hỗ trợ hiện có. Nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát 583 thanh niên từ 6 tỉnh, trải dài từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế, nhằm đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đến mức độ sẵn sàng và ý định khởi nghiệp của họ. Kết quả nghiên cứu cung cấp một góc nhìn mới mẻ và sâu sắc về thực trạng này, đồng thời đưa ra những khuyến nghị chính sách quan trọng để khắc phục hạn chế, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong khu vực. Những kết quả này giúp định hình các giải pháp hỗ trợ thiết thực, như cải thiện giáo dục khởi nghiệp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, và cung cấp hỗ trợ kinh doanh, nhằm tạo điều kiện cho thanh niên trở thành lực lượng tiên phong trong phát triển kinh tế địa phương. Kết luận từ nghiên cứu đưa ra các khuyến nghị về chính sách như tăng cường giáo dục khởi nghiệp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, và nâng cao các giải pháp hỗ trợ kinh doanh, qua đó giúp thanh niên tại các tỉnh Bắc Trung Bộ khởi nghiệp hiệu quả hơn.

Từ khoá: Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, khởi nghiệp, sẵn sàng khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp

Mã JEL: L26, M38

The impact of startup support policies on the readiness and intention to start a business of young people in the North Central region

Abstract:

The rural youth in the North Central provinces account for over 30% of the population, constituting the main labor force and participating in various rural economic sectors. Despite being the primary labor force, the rate of entrepreneurship among rural youth remains low, with a high failure rate, reflecting deficiencies in current support policies. This study surveyed 583 young people from six provinces, ranging from Thanh Hoa to Thua Thien Hue, to assess the impact of entrepreneurship support policies on youth readiness and entrepreneurial intentions. The research not only provides in-depth insights into this situation but also offers critical policy recommendations to address shortcomings and promote entrepreneurial spirit in the region. The findings will help shape practical support solutions, including improving entrepreneurship education, simplifying administrative procedures, and providing business support, thereby enabling the youth to become a pioneering force in local economic development. Based on the findings, the study offers conclusion and policy recommendations such as support for entrepreneurship education, administrative procedures, and business support solutions to effectively foster entrepreneurship among youth in the North Central provinces.

Keywords: Startup support policies, startups, startup readiness, startup intention

JEL Codes: L26, M38

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu biến động và cạnh tranh ngày càng gay gắt, khởi nghiệp trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống. Đặc biệt, tại các quốc gia đang phát triển, khởi nghiệp không chỉ là hướng đi mới mà còn là xu hướng tất yếu nhằm tăng cường tự cường và phát triển bền vững. Thanh niên với nhiệt huyết và khát vọng sáng tạo, đang ngày càng quan tâm đến khởi nghiệp như một con đường tạo dựng sự nghiệp và đóng góp cho xã hội. Để hỗ trợ thanh niên hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh, khu vực Bắc Trung Bộ đã chú trọng xây dựng các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, bao gồm hỗ trợ tài chính, đào tạo kỹ năng, tư vấn pháp lý và phát triển cơ sở hạ tầng.

Các chính sách này, theo nhiều nghiên cứu, có thể thúc đẩy đáng kể ý định và quyết tâm khởi nghiệp của thanh niên. Tuy nhiên, mặc dù đã có nhiều chính sách được triển khai, vẫn còn thiếu các nghiên cứu sâu sắc về tác động thực tế đối với thanh niên Bắc Trung Bộ. Khoảng trống nghiên cứu này chính là động lực thúc đẩy nghiên cứu “Tác động của chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đến sự sẵn sàng và ý định khởi nghiệp của thanh niên Bắc Trung Bộ” với mục tiêu đánh giá ảnh hưởng của các chính sách này và cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng các chính sách khởi nghiệp hiệu quả hơn cho khu vực.

2. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu này đánh giá ảnh hưởng của các chính sách hỗ trợ đối với ý định và sự sẵn sàng khởi nghiệp của thanh niên trong khu vực. Khởi nghiệp không chỉ là một quyết định nhất thời mà là một quá trình liên tục, trong đó cá nhân phải biết cách sử dụng các nguồn lực và nắm bắt cơ hội. Quá trình này không chỉ mang lại lợi ích cho doanh nhân mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm và cải thiện chất lượng sống cho cộng đồng.

Trên thế giới, các lý thuyết khởi nghiệp đã cung cấp nền tảng khoa học để hiểu rõ hành vi khởi nghiệp và các yếu tố thúc đẩy. Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) của Ajzen (1991) là một trong những khung lý thuyết phổ biến, cho rằng ý định khởi nghiệp của cá nhân bị ảnh hưởng bởi thái độ với khởi nghiệp, áp lực xã hội, và nhận thức về khả năng kiểm soát hành vi. Khi các yếu tố này càng mạnh, ý định khởi nghiệp càng cao, tạo cơ sở để phát triển các chương trình hỗ trợ phù hợp.

Lý thuyết khởi nghiệp hiệu quả của Sarasvathy (2001) nhấn mạnh cách doanh nhân ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn, dựa vào nguồn lực hiện có và điều chỉnh theo từng bước. Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp thông qua các nguồn lực sẽ tăng tính linh hoạt trong quyết định, tạo cơ hội khởi nghiệp ngay cả khi kế hoạch chưa cụ thể.

Lý thuyết hệ sinh thái khởi nghiệp của Spigel (2015) tập trung vào vai trò của chính sách trong khởi nghiệp, nhấn mạnh tầm quan trọng của tương tác giữa các yếu tố như chính phủ, tài chính, mạng lưới doanh nhân và các tổ chức hỗ trợ. Hệ sinh thái khởi nghiệp bền vững sẽ hỗ trợ lẫn nhau, và các chính sách không chỉ tập trung vào hỗ trợ tài chính mà còn tạo ra môi trường kết nối, hợp tác và phát triển cho thanh niên.

Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp bao gồm các yếu tố như: hỗ trợ tài chính (vốn đầu tư, tín dụng, giảm thuế), đào tạo kỹ năng kinh doanh, tư vấn pháp lý, và xây dựng cơ sở hạ tầng. Những yếu tố này đã được chứng minh là thúc đẩy ý định và quyết tâm khởi nghiệp của thanh niên, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tuy nhiên, cần có những nghiên cứu cụ thể để đánh giá hiệu quả của các chính sách này tại các khu vực đặc thù như Bắc Trung Bộ.

Các nghiên cứu của Bruton, Ahlstrom & Li (2010) và Thai & Turkina (2014) cho thấy chính sách hỗ trợ đóng vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường thuận lợi cho doanh nhân mới. Ở Bắc Trung Bộ, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp giúp thanh niên vượt qua các rào cản kinh tế - xã hội, cung cấp các nguồn lực tài chính và tạo ra môi trường phát triển ý tưởng kinh doanh.

Sự sẵn sàng khởi nghiệp cũng là một khía cạnh quan trọng, thể hiện qua kỹ năng, kiến thức và chuẩn bị tâm lý để bắt đầu kinh doanh. Theo Lau & cộng sự (2012), các đặc điểm cá nhân như tự học hỏi, tự tin và khả năng phân tích môi trường góp phần tạo nên sự sẵn sàng. Khi các chính sách hỗ trợ như đào tạo và tư vấn pháp lý được triển khai, thanh niên sẽ cảm thấy tự tin hơn, thúc đẩy ý định khởi nghiệp.

Ý định khởi nghiệp là yếu tố thúc đẩy cá nhân biến ý tưởng kinh doanh thành hiện thực. Gupta & Bhawe (2007) cho rằng ý định khởi nghiệp xuất phát từ mong muốn và khả năng nhận diện cơ hội. Kuckertz &

Wagner (2010) nhấn mạnh vai trò của các nguồn lực trong môi trường khởi nghiệp, làm rõ tại sao các chương trình hỗ trợ chính phủ có tác động quan trọng.

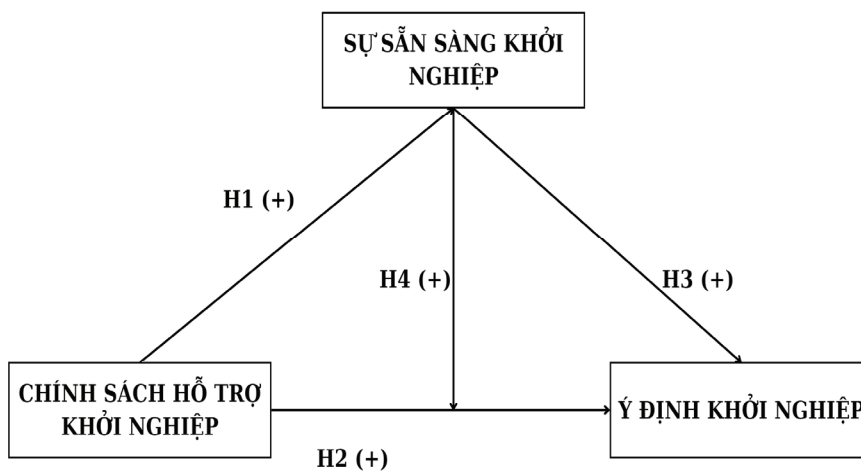
Nghiên cứu này đánh giá tác động của các chính sách hỗ trợ đến ý định và sự sẵn sàng khởi nghiệp của thanh niên Bắc Trung Bộ, nhằm cung cấp cái nhìn khoa học về vai trò của các yếu tố thể chế, xã hội và tâm lý trong hành vi khởi nghiệp. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu hóa, khi khởi nghiệp trở thành động lực phát triển bền vững.

3. Mô hình nghiên cứu và phương pháp phân tích dữ liệu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên các tài liệu thứ cấp, bài báo kế thừa và phát triển mô hình nghiên cứu ở Hình 1.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả.

Trong đó, các giả thuyết bao gồm:

Giả thuyết H1: Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp của địa phương và quốc gia có ảnh hưởng tích cực tới sự sẵn sàng khởi nghiệp của thanh niên các tỉnh Bắc Trung Bộ.

Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp có tác động quan trọng đến sự sẵn sàng khởi nghiệp của thanh niên, bởi nó cung cấp các nguồn lực và môi trường cần thiết giúp cá nhân tự tin và chuẩn bị kỹ lưỡng hơn cho quá trình kinh doanh. Theo lý thuyết hệ sinh thái khởi nghiệp của Spigel (2015), chính sách hỗ trợ không chỉ dừng lại ở các yếu tố tài chính mà còn bao gồm sự tương tác giữa các thành phần như chính phủ, mạng lưới doanh nhân, tổ chức giáo dục và các cơ sở hỗ trợ. Sự hỗ trợ toàn diện này tạo ra một hệ sinh thái khởi nghiệp thuận lợi, nơi các yếu tố cần thiết cho quá trình khởi nghiệp được phát triển đồng bộ.

Các thang đo về sự sẵn sàng khởi nghiệp như có ý tưởng cạnh tranh, phát triển sản phẩm, xây dựng kế hoạch tài chính và tiếp thị, hay thiết lập các mối quan hệ hỗ trợ, đều có thể được nâng cao nhờ chính sách hỗ trợ. Ví dụ, các chương trình đào tạo kỹ năng và tư duy khởi nghiệp không chỉ giúp thanh niên củng cố năng lực cá nhân mà còn thúc đẩy tinh thần tự tin, tư duy chiến lược (Carsrud & Brannback, 2009). Các hỗ trợ về tài chính, tín dụng và bảo vệ sở hữu trí tuệ giúp giảm thiểu rủi ro, nâng cao động lực và khả năng thực hiện các ý tưởng kinh doanh.

Do đó, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp giúp thanh niên tích lũy kỹ năng, kiến thức và nguồn lực, từ đó thúc đẩy sự sẵn sàng khởi nghiệp bằng cách giúp họ tự tin và chuẩn bị đầy đủ hơn cho hành trình kinh doanh.

Giả thuyết H2: Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp của địa phương và quốc gia có ảnh hưởng tích cực tới Ý định khởi nghiệp của thanh niên các tỉnh Bắc Trung Bộ

Các lý thuyết về chính sách khởi nghiệp nhấn mạnh vai trò của chính phủ và tổ chức trong việc hỗ trợ quá trình khởi nghiệp thông qua các can thiệp cụ thể. Khởi nghiệp không chỉ là động lực tăng trưởng kinh tế mà

còn góp phần vào phát triển bền vững. Theo lý thuyết hệ sinh thái khởi nghiệp của Spigel (2015), chính sách cần tạo ra môi trường thuận lợi, nơi các yếu tố như tài chính, mạng lưới doanh nhân, giáo dục và tổ chức hỗ trợ tương tác để hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp bền vững.

Nghiên cứu của Simón-Moya & cộng sự (2014) và Mueller & Thomas (2001) chỉ ra rằng thành công khởi nghiệp không chỉ phụ thuộc vào cá nhân mà còn vào yếu tố thể chế, kinh tế và xã hội. Kayed & Al-Madadha (2022) cho thấy các nền kinh tế phát triển thúc đẩy khởi nghiệp nhờ vào thể chế ổn định, cơ sở hạ tầng, và giáo dục. Các nghiên cứu của Bruton & cộng sự (2010) và Davaria & Farokhmanesh (2017) nhấn mạnh sự ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa, giáo dục và chính sách tài chính - phi tài chính lên ý định khởi nghiệp.

Các nghiên cứu trước đó như Wongnaa & Seyram (2014) và Kayed & Al-Madadha (2022) cho thấy rằng hỗ trợ vốn mạo hiểm, tín dụng, bảo vệ sở hữu trí tuệ, cùng với đào tạo kỹ năng, đều tăng cường động lực và khả năng khởi nghiệp của thanh niên.

Giả thuyết H3: Sự sẵn sàng khởi nghiệp có ảnh hưởng tích cực tới Ý định khởi nghiệp của thanh niên các tỉnh Bắc Trung Bộ

Theo Lau & cộng sự (2012), sự sẵn sàng khởi nghiệp được xem như một tiêu chuẩn nhận thức bao gồm năng lực và khả năng định hướng hành vi trong bối cảnh kinh doanh, với các đặc điểm cá nhân giúp phân biệt những người có khả năng khởi nghiệp. Điều này nghĩa là sự sẵn sàng tạo nền tảng giúp thanh niên vượt qua các thử thách, tăng cường ý định hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh. Nghiên cứu của Carsrud & Brannback (2009) nhấn mạnh rằng tư duy tích cực, sự tự tin, và khả năng chuẩn bị đầy đủ các yếu tố cần thiết đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ý định khởi nghiệp. Những cá nhân có niềm tin vào khả năng khởi nghiệp của mình thường sẵn sàng hơn trong việc đối mặt với rủi ro, tăng quyết tâm khởi nghiệp. Theo Ndou, Mele & Vecchio (2018), các chỉ số như năng lực cá nhân, tinh thần học hỏi, và sự hấp dẫn của vai trò doanh nhân đều là thành phần then chốt trong sự sẵn sàng khởi nghiệp. Những yếu tố này cũng chính là các yếu tố thúc đẩy thanh niên Bắc Trung Bộ xác định rõ hơn ý định khởi nghiệp của mình.

Tóm lại, sự sẵn sàng khởi nghiệp của thanh niên Bắc Trung Bộ, với các tiêu chí đo lường thực tiễn, đóng vai trò củng cố ý định khởi nghiệp, vì nó giúp cá nhân tự tin hơn và có đủ chuẩn bị để hiện thực hóa ý tưởng.

Giả thuyết H4: Sự sẵn sàng khởi nghiệp tác động tới mối quan hệ từ Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đến Ý định khởi nghiệp

Sự sẵn sàng khởi nghiệp đóng vai trò như yếu tố trung gian quan trọng, tăng cường tác động của chính sách hỗ trợ khởi nghiệp lên ý định khởi nghiệp. Khi các chính sách hỗ trợ như đào tạo, tài chính, và bảo vệ sở hữu trí tuệ giúp cá nhân chuẩn bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng, mức độ sẵn sàng của họ sẽ cao hơn. Theo Carsrud & Brannback (2009), cá nhân có sự tự tin và tư duy tích cực sẽ dễ dàng chuyển từ giai đoạn chuẩn bị sang hành động thực tế.

Chính sách hỗ trợ, khi thúc đẩy sự sẵn sàng, giúp thanh niên xây dựng năng lực cần thiết để đối mặt với các thách thức khởi nghiệp. Các yếu tố như phát triển sản phẩm, xây dựng kế hoạch tài chính và tiếp thị trở nên khả thi hơn khi họ sẵn sàng. Điều này không chỉ tăng ý định khởi nghiệp mà còn làm cho thanh niên tin tưởng vào khả năng thành công của mình.

Như vậy, sự sẵn sàng khởi nghiệp tạo ra cầu nối giữa chính sách hỗ trợ và ý định khởi nghiệp, giúp các chính sách đạt hiệu quả cao hơn trong việc khuyến khích thanh niên hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh.

3.2. Quy trình nghiên cứu

Quy trình khảo sát phục vụ nghiên cứu được tiến hành theo 4 bước:

Bước 1: Thiết kế khảo sát

Do giới hạn về nguồn lực, nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát ngẫu nhiên với kích thước mẫu xác định theo công thức Yamane Taro (1967) :

$$n = Z^2 \frac{p \times (1-p)}{e^2} \quad (1)$$

Với mức tin cậy 95%, sai số 5%, và tỷ lệ mẫu $p = 0,5$, kích thước mẫu tối thiểu là 385 quan sát để đảm bảo yêu cầu thống kê.

Bước 2: Xây dựng bảng khảo sát và lựa chọn đối tượng khảo sát

Bảng khảo sát được xây dựng dựa trên cơ sở các thang đo nêu trong mục 2, sử dụng thang điểm Likert 5 mức độ.

Bước 3: Tiến hành khảo sát

Từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2024, 900 phiếu khảo sát được phát ra (trực tiếp và trực tuyến) tại sáu tỉnh Bắc Trung Bộ, với 150 phiếu/tỉnh. Tổng số phiếu hợp lệ thu về là 583 phiếu, đảm bảo yêu cầu mẫu.

Bước 4: Xử lý dữ liệu

Sau khi nhập dữ liệu vào phần mềm, thực hiện các bước sau:

(1) Thống kê mô tả: Tính giá trị trung bình, kiểm tra phân phối chuẩn.

(2) Kiểm định Cronbach's Alpha: Đánh giá độ tin cậy của thang đo.

(3) Phân tích nhân tố khám phá (EFA): Đánh giá cấu trúc thang đo.

(4) Phân tích tương quan Pearson: Xác định mức độ quan hệ giữa các biến.

(5) Kiểm định mô hình hồi quy tuyến tính OLS được thực hiện nhằm đánh giá các mối quan hệ sau:

- Mối quan hệ thứ nhất: Ảnh hưởng của Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp lên Sự sẵn sàng khởi nghiệp. Mô hình hồi quy được viết dưới dạng:

$$\text{Sự sẵn sàng KN} = \beta_1 + a * \text{Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp} + e_1$$

Nếu kết quả Sig của kiểm định T của biến Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp nhỏ hơn 0.05 thì giả thuyết H1 được chấp nhận.

- Mối quan hệ thứ hai: Ảnh hưởng của Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, Sự sẵn sàng khởi nghiệp lên Ý định khởi nghiệp. Mô hình hồi quy được viết dưới dạng:

$$\text{Ý định KN} = \beta_2 + c' * \text{Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp} + b * \text{Sự sẵn sàng khởi nghiệp} + e_2$$

Nếu kết quả Sig Kiểm định T của biến Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, Sự sẵn sàng khởi nghiệp đều nhỏ hơn 0,05, hai giả thuyết H2 và H3 được chấp nhận.

Mối quan hệ thứ ba: Ảnh hưởng của Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp lên Ý định khởi nghiệp. Mô hình hồi quy được viết dưới dạng:

$$\text{Ý định KN} = \beta_3 + c * \text{Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp} + e_3$$

Mục đích của kiểm định là làm rõ liệu Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp có tác động tích cực lên Ý định khởi nghiệp không. Kết quả mong đợi là hệ số $c' < c$.

(6) Đánh giá sự khác biệt $c - c'$ bằng Sobel Test

Giá trị sig (p-value) của kiểm định Sobel nhận giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 0,05 chứng tỏ biến trung gian Sự sẵn sàng khởi nghiệp có ảnh hưởng lên mối quan hệ từ Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp lên Ý định khởi nghiệp của thanh niên các tỉnh Bắc Trung Bộ.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đánh giá mức độ cảm nhận theo từng nhân tố

Khi thực hiện thống kê mô tả các biến quan sát thuộc các biến Chính sách khởi nghiệp, Sự sẵn sàng khởi nghiệp và Ý định khởi nghiệp.

Kết quả cho thấy, đối với biến Chính sách khởi nghiệp, giá trị trung bình các biến quan sát nằm trong khoảng từ 2,631 đến 2,923. Trong đó biến quan sát CCCS1 có giá trị trung bình nhỏ nhất và CCCS5 có giá trị trung bình lớn nhất.

Đối với biến Sự sẵn sàng khởi nghiệp, giá trị trung bình các biến quan sát nằm trong khoảng 3,365 đến 3,597, trong đó, biến quan sát SSKN5 có giá trị trung bình nhỏ nhất và biến SSKN1 có giá trị trung bình lớn nhất.

Đối với biến Ý định khởi nghiệp, giá trị trung bình các biến quan sát nằm trong khoảng từ 3,448 đến 3,786, trong đó, biến quan sát YDKN1 có giá trị trung bình nhỏ nhất và YDKN5 có giá trị trung bình lớn nhất.

4.2. Kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA

Hệ số Cronbach's Alpha của các biến CCCS, SSKN và YDKN lần lượt là 0,944 ; 0,940 ; 0,924, đều lớn hơn 0,90, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều lớn hơn 0,3. Như vậy, có thể kết luận các biến quan sát thuộc mô hình đề xuất thuộc các nhân tố trên là phù hợp, đủ tin cậy để tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA.

Tiến hành phân tích EFA, sử dụng phương pháp Principal Components Analysis với phép xoay Varimax, nhóm tác giả đã thu được kết quả hệ số KMO = 0,908, thống kê Chi-Square của kiểm định Bartlett có giá trị 10115,267 với mức ý nghĩa Sig. = 0,000 << 0,05. Điều này chứng tỏ dữ liệu đưa vào phân tích có ý nghĩa thống kê. Kết quả phân tích phương sai trích cho giá trị là 75,365% lớn hơn 50%, Điểm dừng khi trích các yếu tố tại nhân tố thứ 3 với eigenvalue = 2,831 lớn hơn 1 cho thấy dữ liệu được giải thích bởi 3 nhóm nhân tố, các thang đo được rút ra và chấp nhận.

Bảng 1 cho thấy ma trận xoay các nhân tố nhóm các biến quan sát thành 3 nhóm nhân tố riêng biệt như đề xuất ban đầu với hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5.

Bảng 1: Ma trận xoay các nhân tố và hệ số Cronbach's Alpha

	Component			Hệ số Cronbach's Alpha
	1	2	3	
CCCS1	.911			0.944
CCCS4	.901			
CCCS7	.885			
CCCS5	.856			
CCCS2	.841			
CCCS3	.832			
CCCS6	.811			0.940
SSKN6		.918		
SSKN7		.883		
SSKN4		.880		
SSKN5		.861		
SSKN1		.808		
SSKN2		.795		0.924
SSKN3		.765		
YDKN3			.933	
YDKN2			.911	
YDKN5			.872	
YDKN4			.830	
YDKN1			.750	

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

4.3. Kiểm định mô hình hồi quy tuyến tính OLS

Bảng 2: Kết quả hồi quy tuyến tính OLS cho các mô hình hồi quy đơn và hồi quy bội

Mô hình hồi quy	Biến	Unstandardized Coefficients		Sig.	VIF
		B	Std. Error		
CCCStb --> SSKNtb	(Constant)	2.693	.123	.000	
	CCCStb	.301	.041	.000	1.000
CCCStb, SSKNtb --> YDKNtb	(Constant)	1.920	.147	.000	
	SSKNtb	.280	.037	.000	1.427
	CCCStb	.253	.038	.000	1.263
SSKNtb --> YDKNtb	(Constant)	2.380	.134	.000	
	SSKNtb	.351	.036	.000	1.254

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

Thứ nhất, kiểm định mối quan hệ giữa CCCS và SSKN

Kết quả kiểm định mô hình ở Bảng 2 cho thấy Sig. tổng thể của nhân tố CCCStb bằng 0,000 nhỏ hơn 0,05 cho thấy nhân tố CCCStb được chấp nhận ở mức ý nghĩa 5%. Như vậy, phương trình hồi quy (theo hệ số chưa chuẩn hóa) thể hiện mối quan hệ giữa CCCStb và SSKNtb là:

$$SSKN = 2,963 + 0,301 * CCCS \quad (1)$$

Thứ hai, kiểm định mối quan hệ giữa CCCS, SSKN và YDKN

Kết quả Bảng 3 cho thấy Sig của CCCStb, SSKNtb bằng 0,000 nhỏ hơn 0,05, có nghĩa là nhân tố CCCStb và SSKNtb được chấp nhận ở mức ý nghĩa 5%. Như vậy, phương trình hồi quy (theo hệ số chưa chuẩn hóa) thể hiện mối quan hệ giữa CCCStb, SSKNtb và YDKNtb là:

$$YDKN = 1,920 + 0,280 * SSKN + 0,253 * CCCS \quad (2)$$

Thứ ba, kiểm định mối quan hệ giữa SSKN và YDKN

Kết quả Bảng 3 cho thấy giá trị Sig. tổng thể của nhân tố SSKNtb bằng 0,000 nhỏ hơn 0,05 cho thấy nhân tố SSKNtb được chấp nhận ở mức ý nghĩa 5%. Như vậy, phương trình hồi quy (theo hệ số chưa chuẩn hóa) của mô hình thể hiện mối quan hệ giữa SSKNtb và YDKNtb là:

$$YDKN = 2,380 + 0,351 * SSKN \quad (3)$$

4.4. Kiểm tra đa cộng tuyến

Để kiểm tra đa cộng tuyến của mô hình hồi quy đã nêu, nhóm tác giả sử dụng hệ số phóng đại phương sai VIF. Theo đó, nếu VIF lớn hơn 10 thì xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến (Nguyễn Đình Thọ, 2011). Kết quả Bảng 3 cho thấy, hệ số VIF của các nhân tố Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp trong mô hình hồi quy thứ nhất là 1,000 ; của nhân tố Chính sách khởi nghiệp và Sự sẵn sàng khởi nghiệp trong mô hình hồi quy 2 lần lượt là 1,427 và 1,263, của nhân tố Sự sẵn sàng khởi nghiệp trong mô hình hồi quy 3 là 1,254, đều nằm trong mức cho phép (tức nhỏ hơn 10), cho thấy mô hình không bị đa cộng tuyến, nghĩa là hiện tượng đa cộng tuyến không xảy ra.

4.5. Đánh giá tự tương quan

Để đánh giá tự tương quan, nhóm tác giả tiến hành kiểm định Durbin – Watson để kết luận về tính độc lập của sai số. Nếu các phần dư của các mô hình hồi quy không có tương quan chuỗi bậc nhất với nhau giá trị d của từng mô hình sẽ gần bằng 2.

Bảng 3: Độ phù hợp của các mô hình hồi quy

Mô hình	R	R bình phương	R Bình phương điều chỉnh	Độ lệch chuẩn của ước lượng	Durbin-Watson
(1) a Dự đoán: (Hằng số), CCCStb b Biến phụ thuộc: SSKNtb	.621 ^a	.385	.380	0.79653	1.375
(2) a Dự đoán: (Hằng số), CCCStb, SSKNtb b Biến phụ thuộc: YDKNtb	.592 ^a	.401	.377	0.71103	1.222
(3) a Dự đoán (hằng số), SSKNtb b Biến phụ thuộc: YDKNtb	.721 ^a	.452	.429	0.8023	1.442

Nguồn: Tính toán trên SPSS 20

Kết quả kiểm định ở Bảng 3 cho thấy các giá trị d tương ứng với từng mô hình đều gần bằng 2, nằm trong khoảng có thể chấp nhận được. Điều này chứng tỏ không có tự tương quan chuỗi bậc nhất hay nói cách khác là không có tương quan giữa các phần dư (Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008).

4.6. Đánh giá sự khác biệt c – c' bằng Sobel Test

Nhóm nghiên cứu tiến hành nhập các giá trị hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa và sai số chuẩn của các phương trình hồi quy trong Bảng 6 vào địa chỉ <https://quantpsy.org/sobel/sobel.htm> để tính toán giá trị P-value của kiểm định Sobel test. Kết quả trình bày ở Bảng 4.

Bảng 4: Kiểm định Sobel Test

	Đầu vào	Số liệu kiểm định	Độ lệch chuẩn	P-Value
a	0,301	Kiểm định Sobel	5,2693202	0,01599447
b	0,280	Kiểm định Aroian	5,2457785	0,01606625
s _a	0,041	Kiểm định Goodman	5,29318171	0,01592237
s _b	0,037			

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

Theo Baron & Kenny (1986), do giá trị P-value bằng $1,4 * 10^{-7}$ nhỏ hơn 0,05, như vậy có thể kết luận Sự sẵn sàng khởi nghiệp là biến trung gian tác động lên mối quan hệ giữa Cơ chế, chính sách khởi nghiệp và Ý định khởi nghiệp. Ta có thể đưa ra kết luận về các giả thuyết của mô hình đề xuất như Bảng 5.

Bảng 5: Kết luận các giả thuyết

STT	Giả thuyết	Nội dung giả thuyết	Kết luận
1	H1	CCCS tác động tích cực (+) đến SSKN	Chấp nhận
2	H2	SSKN tác động tích cực (+) đến YDKN	Chấp nhận
3	H3	CCCS tác động tích cực (+) đến YDKN	Chấp nhận
4	H4	SSKN tác động đến mối quan hệ từ CCCS đến YDKN	Chấp nhận

Nguồn: Kết luận điều tra của nhóm tác giả

5. Hàm ý quản trị và khuyến nghị chính sách

Dựa trên các kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa chính sách hỗ trợ khởi nghiệp (CCCS), sự sẵn sàng khởi nghiệp (SSKN), và ý định khởi nghiệp (YDKN) của thanh niên Bắc Trung Bộ, các hàm ý và khuyến nghị cụ thể được đề xuất như sau:

Thứ nhất, tăng cường các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp để nâng cao sự sẵn sàng khởi nghiệp

Kết quả hồi quy cho thấy mối quan hệ giữa chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và sự sẵn sàng khởi nghiệp được thể hiện qua phương trình $SSKN = 2,963 + 0,301 \times CCCS$. Điều này nghĩa là mỗi thay đổi trong chính sách hỗ trợ sẽ tác động tích cực đến sự sẵn sàng khởi nghiệp, tăng thêm 0,301 đơn vị. Chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương cần tập trung vào các nội dung như: Hỗ trợ đào tạo về kỹ năng kinh doanh như lập kế hoạch tài chính, tiếp thị, quản lý rủi ro và kỹ năng lãnh đạo. Chính quyền cần tập trung vào các chính sách hỗ trợ như cung cấp kiến thức, đào tạo kỹ năng và tạo cơ hội học hỏi cho thanh niên. Các chương trình đào tạo thực tiễn và cố vấn từ các doanh nhân thành đạt sẽ tăng cường sự tự tin và khả năng chuẩn bị của thanh niên khi bước vào kinh doanh.

Thứ hai, cải thiện thủ tục hành chính và điều kiện pháp lý thuận lợi

Việc đơn giản hóa thủ tục hành chính là yếu tố quan trọng giúp nâng cao sự sẵn sàng khởi nghiệp. Bên cạnh đó, tạo ra một môi trường pháp lý minh bạch, dễ dàng cho thanh niên khởi nghiệp sẽ giảm bớt rào cản. Kết quả hồi quy thứ hai cho thấy, mối quan hệ giữa chính sách hỗ trợ, sự sẵn sàng và ý định khởi nghiệp thể hiện qua phương trình $YDKN = 1,920 + 0,280 \times SSKN + 0,253 \times CCCS$, cho thấy cả chính sách và sự sẵn sàng đều có tác động đáng kể đến ý định khởi nghiệp. Điều này nhấn mạnh rằng khi chính sách hỗ trợ và các điều kiện pháp lý thuận lợi được thực hiện hiệu quả, ý định khởi nghiệp sẽ được thúc đẩy.

Thứ ba, hỗ trợ tài chính và tiếp cận vốn dễ dàng hơn

Việc cung cấp các khoản vay ưu đãi và chương trình tài trợ là cần thiết để thanh niên có thể dễ dàng tiếp cận nguồn vốn, vượt qua rào cản tài chính khi khởi nghiệp. Kết quả cho thấy chính sách hỗ trợ không chỉ tạo động lực mà còn có thể tăng thêm ý định khởi nghiệp của thanh niên khi được hỗ trợ tài chính đầy đủ. Các quỹ hỗ trợ khởi nghiệp nên ưu tiên các ngành có tiềm năng phát triển tại khu vực như nông nghiệp và du lịch.

Thứ tư, phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ khởi nghiệp

Các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, không gian làm việc chung và cơ sở hạ tầng phù hợp sẽ giúp thanh niên có môi trường làm việc chuyên nghiệp, thúc đẩy sự sẵn sàng và ý định khởi nghiệp. Điều này đặc biệt quan

trọng tại các tỉnh Bắc Trung Bộ, nơi thiếu thốn cơ sở vật chất hiện đại. Chính quyền nên đầu tư vào việc xây dựng các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, vừa là nơi làm việc vừa là không gian kết nối mạng lưới, giúp thanh niên có cơ hội học hỏi từ các doanh nhân thành đạt.

Thứ năm, thúc đẩy chương trình cố vấn và bảo vệ sở hữu trí tuệ

Chương trình cố vấn từ các doanh nhân và chuyên gia dưới dạng bootcamp hoặc hackathon, ... sẽ hỗ trợ thanh niên định hướng chiến lược và nâng cao kiến thức thị trường. Kết quả hồi quy thứ ba cho thấy mối quan hệ giữa sự sẵn sàng và ý định khởi nghiệp qua phương trình $YDKN = 2,380 + 0,351 \times SSKN$, nghĩa là sự sẵn sàng khởi nghiệp có tác động mạnh mẽ và trực tiếp đến ý định khởi nghiệp. Chính quyền nên xây dựng các chương trình cố vấn và bảo vệ sở hữu trí tuệ để giúp thanh niên yên tâm phát triển sản phẩm sáng tạo.

Những khuyến nghị này khi được triển khai sẽ góp phần thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và tạo điều kiện cho thanh niên Bắc Trung Bộ tham gia mạnh mẽ vào quá trình phát triển kinh tế địa phương.

Tài liệu tham khảo

- Ajzen, I. (1991), 'The Theory of Planned Behavior', *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50, 179 – 211S.
- Ali Davaria & Taraneh Farokhmanesh (2017), 'Impact of entrepreneurship policies on opportunity to startup', *Management Science Letters*, 7(9), 431-438, DOI: 10.5267/j.msl.2017.6.003.
- Baron & Kenny (1986), 'The moderator-mediator variable distinction in social psychological research: Conceptual, strategic, and statistical considerations', *Journal of Personality and Social Psychology*, 51(6), 1173-1182, DOI: 10.1037//0022-3514.51.6.1173.
- Camillus Abawiera Wongnaa & Anthony Zu Kwame Seyram (2014), 'Factors influencing polytechnic students' decision to graduate as entrepreneurs', *Journal of Global Entrepreneurship Research*, 2(2), access online at <https://link.springer.com/journal/40497>
- Carsrud & Brannback (2009), 'Understanding the Entrepreneurial Mind: Opening the Black Box', *International Studies in Entrepreneurship* (ISEN, volume 24), DOI: 10.1007/978-1-4419-0443-0.
- Garry D. Bruton, David Ahlstrom & Han-Lin Li (2010), 'Institutional Theory and Entrepreneurship: Where Are We Now and Where Do We Need to Move in the Future?', *Entrepreneurship Theory and Practice*, 34(3). <https://doi.org/10.1111/j.1540-6520.2010.00390.x>
- Gupta, V. K. & Bhawe N. M. (2007), 'The Influence of Proactive Personality and Stereotype Threat on Women's Entrepreneurial Intentions', *Journal of Leadership & Organizational Studies*, 13(4), 73–85, DOI: 10.1177/10717919070130040901.
- H. Kayed & A. Al-Madadha (2022), 'The Effect of Entrepreneurial Education and Culture on Entrepreneurial Intention', *Organizacija*, 55, DOI: 10.2478/orga-2022-0002.
- Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2007), *Thống Kê Ứng Dụng trong Kinh tế - Xã hội*, NXB Thống kê.
- Kuckertz, A. & Wagner, M. (2010), 'The influence of sustainability orientation on entrepreneurial intentions - Investigating the role of business experience', *Journal of Business Venturing*, 25(5), 524-539.
- Lau, V. P., Dimitrova, M. N., Shaffer, M. A., Davidkov, T., & Yordanova, D. I. (2012), 'Entrepreneurial readiness and firm growth: an integrated etic and emic approach', *Journal of International Management*, 18(2), 147–159, DOI: 10.1016/j.intman.2012.02.005.
- Ndou, Mele, & Vecchio (2018), 'Entrepreneurship education in tourism: An investigation among European Universities', *Journal of Hospitality, Leisure, Sport & Tourism Education*, 25, 100175, DOI: 10.1016/j.jhlste.2018.10.003.
- Nguyễn Đình Thọ (2011), *Phương Pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, NXB Lao động và Xã hội, Hà Nội.

-
- Sarasvathy, S. D. (2001), 'Causation and Effectuation: Toward a Theoretical Shift from Economic Inevitability to Entrepreneurial Contingency', *Academy of Management Review*, 26(2), 243-263.
- Simón-Moya, V., Revuelto-Taboada, L. & Guerrero, R. F. (2014), 'Institutional and economic drivers of entrepreneurship: An international perspective', *Journal of Business Research*, 67(5), 715–721.
- Spigel, B. (2015), 'The Relational Organization of Entrepreneurial Ecosystems', *Entrepreneurship Theory and Practice*, 41(1), 49-72.
- Stephen L Mueller & Anisya S Thomas (2001), 'Culture and entrepreneurial potential: A nine country study of locus of control and innovativeness', *Journal of Business Venturing*, 16(1), 51-75, DOI: 10.1016/S0883-9026(99)00039-7.
- Thai, M. & Turkina, E. (2014), 'Macro-level determinants of formal entrepreneurship versus informal entrepreneurship', *Journal of Business Venturing*, 29 (4), 490–510.
- Yamane, Taro (1967), *Statistics: An Introductory Analysis, 2nd Edition*, New York: Harper and Row.